



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

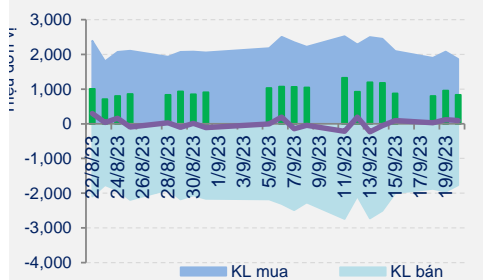
20/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

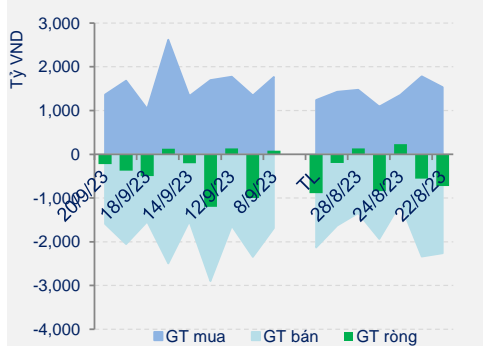
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,226.11	254.82
% Thay đổi	↑ 1.21%	↑ 1.84%
KLGD (CP)	837,189,012	92,279,590
GTGD (tỷ đồng)	20,328.99	1,955.56
Tổng cung (CP)	1,768,685,425	124,563,100
Tổng cầu (CP)	1,866,641,929	113,259,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,806,064	1,556,478
KL mua (CP)	38,475,730	877,257
GT mua (tỷ đồng)	1,367.68	30.57
GT bán (tỷ đồng)	1,592.28	33.61
GT ròng (tỷ đồng)	(224.61)	(3.05)

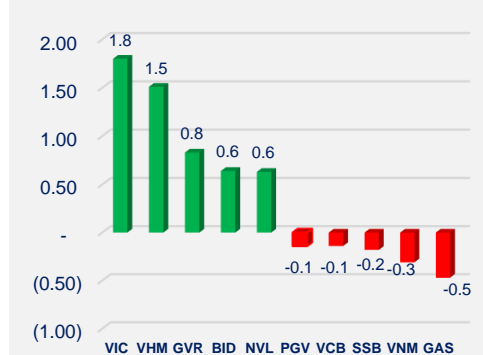
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch phục hồi với lực cầu gia tăng tốt ở vùng hỗ trợ tâm lý và kiểm tra lại vùng đỉnh năm 2018 (1.200 điểm -1.211 điểm), VN-INDEX trong phiên hôm nay duy trì biến biến tích cực khi tăng điểm trong phiên sáng với thanh khoản cải thiện, đà tăng được duy trì và bùng nổ trong phiên chiều với thanh khoản gia tăng tốt ở nhiều mã, nhóm mã. Kết phiên VN-INDEX tăng 14,61 điểm (+1,21%) lên mức 1.226,11 điểm, với kỳ vọng kiểm tra lại vùng giá cao nhất tháng 08/2023 quanh 1.250 điểm. HNX-INDEX tăng tốt hơn 4,60 điểm (+1,84%) lên 254,82 điểm, tiếp tục kiểm tra lại vùng giá thấp nhất tháng 06/2022 quanh 262 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết cải thiện tốt hơn nhiều so với phiên trước, tích cực khi có tổng cộng 533 mã tăng giá (24 mã tăng trần), 143 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) và 121 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 22.275,49 tỷ đồng, giảm 11,59% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình, một phần do nhiều mã nhóm đầu cơ, bất động sản, ngân hàng vẫn phục hồi với thanh khoản kém. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng liên tiếp với giá trị 224,61 tỷ đồng, tập trung bán ròng ở nhóm thép, bán lẻ; bán ròng phiên thứ hai trên HNX với giá trị 3,05 tỷ đồng.

Các cổ phiếu xuất khẩu sau diễn biến tích cực phiên trước những kỳ vọng tình hình xuất khẩu cải thiện cho nhu cầu cuối năm và đồng USD cải thiện, tăng giá tiếp tục có diễn biến nổi bật ngay từ đầu phiên, nhiều cổ phiếu thủy sản tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến như ANV (+6,95%), IDI (+5,67%), CMX (+5,53%), FMC (+3,59%)... hóa chất CSV (+4,11), DGC (+3,34%)...

Nhóm cổ phiếu vận tải biển, cảng biển duy trì diễn biến tích cực, vượt trội so với thị trường chung khi giá cước vận tải tiếp tục có tín hiệu tăng giá hơn 20% trong 01 tháng qua, nổi bật với VOS (+4,28%), DXP (+3,15%), HAH (+2,86%), GMD (+2,80%), SGP (+2,56%)... Các cổ phiếu vận tải dầu khí cũng có diễn biến tích cực, nổi bật như PVT (+6,98%) tăng giá mạnh và hưởng về vùng giá đỉnh lịch sử tháng 03/2022, GSP (+3,88%), VIP (+3,81%), VTO (+2,01%)...

Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến vượt trội khi nhiều mã đã vượt vùng giá đỉnh cũ tháng 8/2023 và kỳ vọng vượt, nổi bật với PHR (+6,61%), TIP (+4,17%), SZC (+4,01%), DTD (+3,93%), GVR (+3,59%). Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản sau nhiều phiên đa số chịu áp lực điều chỉnh bán mạnh với thanh khoản gia tăng đã phục hồi tốt trở lại trong phiên chiều, nhiều mã phục hồi tăng giá hết biên độ như NVL (+6,94%), HDC (+6,87%), SJS (+6,78%), CEO (+5,58%), NLG (+4,92%), PDR (+4,65%)...

Các cổ phiếu ngân hàng đa số phục hồi, mức độ phục hồi tăng giá kém với thanh khoản dưới mức trung bình như OCB (+4,07%), TPB (+2,36%), EIB (+2,17%), VIB (+1,45%), NVB (+1,42%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 tăng 9,6 điểm (+0,79%), chênh lệch âm -2,97 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên trước, khối lượng mở OI xu hướng giảm khi thị trường sẽ đảo hạn trong phiên tiếp theo để chuyển sang kỳ hạn chính VN30F2310. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -2,57 điểm đến -9,57 điểm, mức chênh lệch gia tăng cho thấy các trader đang dịch chuyển sang kỳ hạn VN30F2310, giảm các vị thế đầu cơ phái sinh khi thị trường cơ sở đang duy trì nhiều cơ hội ngắn hạn tốt; đồng thời phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn hơn trên thị trường phái sinh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Vn-Index có phiên hồi phục mạnh sau khi có 2 lần kiểm định ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm trong các phiên trước, chốt phiên Vn-Index tăng +14,16 điểm (+1,21%) và đóng cửa ở 1.226,11 điểm. Như đã đề cập trong các bản tin trước Vn-Index đang trong quá trình hình thành vùng tích lũy và các diễn biến rung lắc, điều chỉnh, phục hồi là vận động tích cực. Tuy nhiên thị trường sẽ cần thêm thời gian để các biến động chật chẽ trở lại qua đó tăng thêm độ tin cậy, về trung hạn nhịp vận động điều chỉnh và tích lũy lại là vận động tích cực. Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định uptrend của thị trường vẫn duy trì tốt nhưng thị trường cần tích lũy đủ sau các rung lắc để vượt cản ngắn hạn quanh 1.250 điểm trước khi có thể tiến tới ngưỡng cản xa hơn là vùng 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn thị trường vẫn đang trong quá trình tích lũy và sẽ sớm đối diện với ngưỡng cản mạnh 1.250 điểm vì thế nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân như chúng tôi khuyến nghị nên tiếp tục duy trì danh mục, tránh mua đuổi giá cao trong các phiên tăng điểm. Với nhà đầu tư trung, dài hạn nhà đầu tư nếu bám sát các bản tin và khuyến nghị của chúng tôi thì hoàn toàn cơ cấu xong danh mục, nếu muốn giải ngân thêm nhà đầu tư vẫn có thể giải ngân vào các nhịp điều chỉnh vừa qua, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

20/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	49.50	43-45	55-57	41	12.5	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.75	11.5-13	15.5-16	12	4.8	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	53.20	46-48	57-59	43	8.1	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	21.69	19.5-21	25.5-26	18	13.6	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	68.4	51.8	73-74	66	32.0%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	36.2	28.05	36.5-37.7	34	28.9%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	78.3	72.95	87-89	78	7.3%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.1	30.6	35-37	32	4.7%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

OECD hạ dự báo GDP của Việt Nam năm 2023 xuống 4,9% và tăng lên 5,9% vào 2024

Phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế - Xã hội Việt Nam 2023, ông Alexander BÖHMER cho biết OECD có 38 thành viên trên toàn cầu. Đông Nam Á (Asean) là khu vực có sự phát triển năng động, có tầm ảnh hưởng lớn, trọng tâm của báo cáo của OECD đã đưa ra những dự báo tăng trưởng của khu vực này, trong đó ASEAN có mức tăng trưởng đạt 5,6% trong năm 2022. Dự báo mức tăng trưởng chung của ASEAN đạt 4,2% vào năm 2023 và tăng lên 4,7% vào năm 2024. OECD dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay gặp khó khăn nên hạ xuống 4,9% và 5,9% vào năm 2024.

Việt Nam ký kết hợp tác phát triển chip bán dẫn

Trưa 19/9 (khuya cùng ngày giờ Hà Nội), Thủ tướng Phạm Minh Chính ăn trưa và làm việc với CEO của các doanh nghiệp, tập đoàn hàng đầu của Mỹ trong lĩnh vực bán dẫn. Thành viên đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam, Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Marc Knapper và ông John Neuffer, Chủ tịch, Tổng giám đốc Hiệp hội Công nghiệp bán dẫn Mỹ (SIA) tham dự. Tại đây, Thủ tướng Phạm Minh Chính chứng kiến lễ trao ba biên bản ghi nhớ giữa Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) với tập đoàn Cadence Design Systems, Inc.

2 nhóm hàng xuất khẩu “tỷ đô” trong 8 tháng

Theo Tổng cục Hải quan, hết tháng 8, cả nước có 2 nhóm hàng xuất khẩu tăng trưởng kim ngạch hơn 1 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2022 là: rau quả tăng 1,35 tỷ USD, phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 1,22 tỷ USD. Ngoài ra, gạo tăng 832 triệu USD... Những nhóm hàng trên là điểm sáng của xuất khẩu, bởi 8 tháng đầu năm, nhiều nhóm hàng chủ lực có kim ngạch giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Chủ tịch Quốc hội: Cải cách chính sách tiền lương có thể áp dụng từ 1/7/2024

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết, cải cách chính sách tiền lương một cách căn bản trong năm 2024 cũng là một cú hích, nếu không có gì thay đổi, thời điểm có thể áp dụng là từ 1/7/2024. Chiều 19/9, phát biểu bế mạc diễn đàn Kinh tế - Xã hội Việt Nam 2023, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết, các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội nửa nhiệm kỳ vừa qua đã đạt được những thành tựu không nhỏ, từng bước phát huy hiệu quả, góp phần củng cố tâm lý thị trường, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách.



TIN DOANH NGHIỆP

TCM ước lãi sau thuế tháng 8 giảm 43%

Theo báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh tháng 8/2023, CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HOSE: TCM) giảm mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh thiếu đơn hàng. Tháng 8/2023, TCM ước doanh thu 12.84 triệu USD, giảm 34% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế cũng giảm 43% xuống còn 774,000 USD (khoảng 19 tỷ đồng). Trong tháng này, xuất khẩu của Công ty sang thị trường châu Á chiếm 70.3%, trong đó Hàn Quốc chiếm 26.82%, Nhật Bản (19.66%), Trung Quốc (12.56%) và Việt Nam (9.07%). Tiếp đến là thị trường châu Mỹ (25.2%), châu Âu (4.3%).

Doanh thu tháng 8 của HAG đạt 660 tỷ đồng

Theo báo cáo hoạt động kinh doanh tháng 8, CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) mang về 660 tỷ đồng doanh thu thuần. Trong đó, ngành chăn nuôi đem về 182 tỷ đồng (chiếm 27.6%), ngành cây ăn trái 338 tỷ đồng (chiếm 51.2%) và ngành phụ trợ 140 tỷ đồng (chiếm 21.2%). Về sản lượng, ngành chăn nuôi tiêu thụ gần 32.6 ngàn con heo thịt và ngành cây ăn trái tiêu thụ 30.9 ngàn tấn chuối. Trước đó, tại Hội nghị gặp gỡ nhà đầu tư vào chiều ngày 20/08. Chủ tịch HĐQT (bầu Đức) của HAG cho biết hiện tại Công ty tập trung vào “2 cây và 1 con”. Cụ thể là sầu riêng, chuối và nuôi heo.

NAV tạm ứng cổ tức 2023 với tỷ lệ 8%

CTCP Nam Việt (HOSE: NAV) vừa thông báo về việc chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt. Cụ thể, NAV thông báo chốt danh sách các cổ đông tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 8% (tương đương 800 đồng/cp). Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức vào ngày 04/10. Ngày thanh toán dự kiến là 16/10. Ước tính NAV sẽ chi gần 6.4 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức lần này.

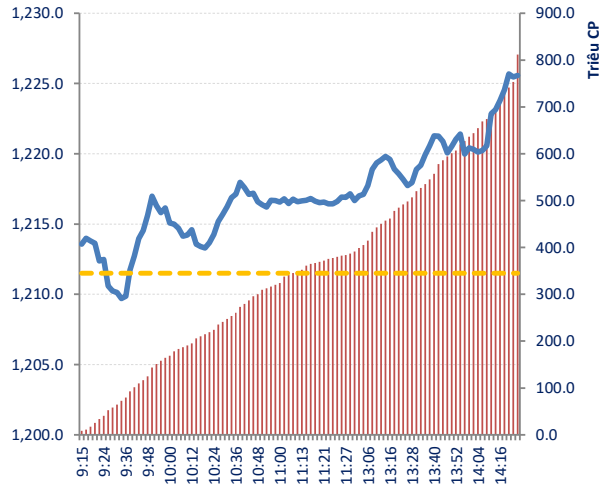
PLX: Mang về 169.000 tỷ doanh thu, Petrolimex hoàn thành gần 90% kế hoạch năm

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cho biết, trong 8 tháng năm 2023, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex - Mã: PLX) ghi nhận 169.000 tỷ đồng doanh thu, giảm 16% so với cùng kỳ, hoàn thành 89% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế khoảng 3.000 tỷ đồng, thực hiện 93% mục tiêu năm. Tính riêng trong tháng 7 và 8, Petrolimex ghi nhận 35.818 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế khoảng 1.098 tỷ đồng.

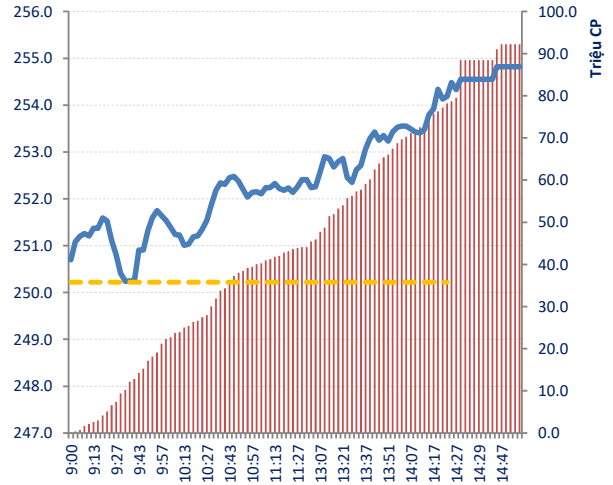


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

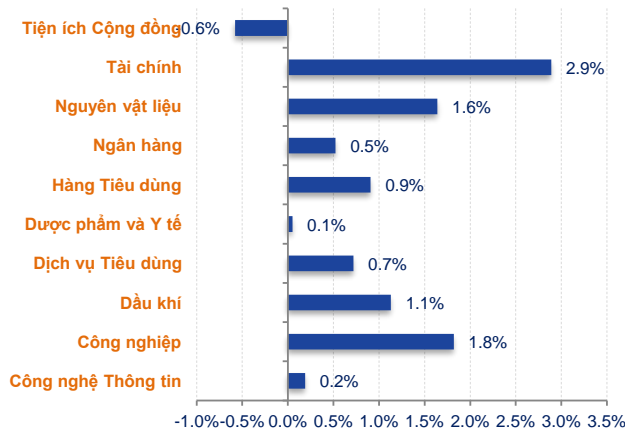
KLGD và VN-Index trong phiên



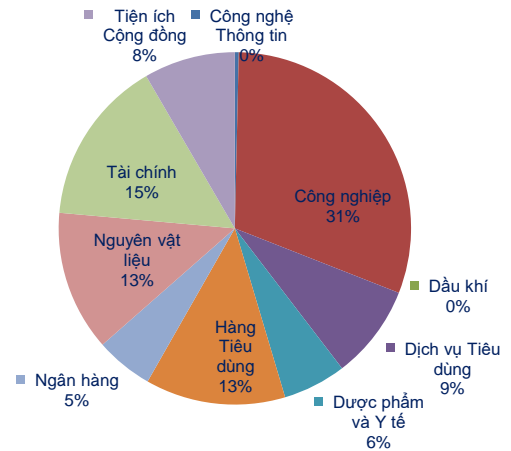
KLGD và HNX-Index trong phiên



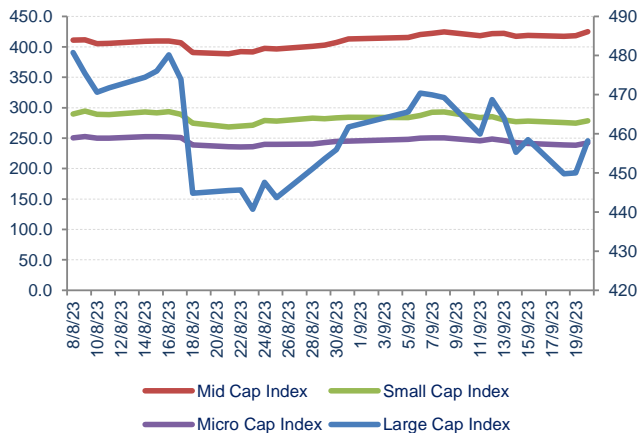
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



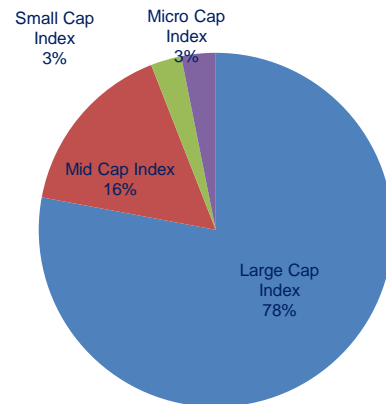
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KBC	1,900,700	HPG	6,336,573	1	IDC	250,800	SHS	1,021,600
2	VIX	1,049,693	GVR	2,057,800	2	TNG	103,570	NVB	100,000
3	VND	913,300	MWG	1,791,800	3	VNR	42,900	SDT	71,000
4	VIC	898,489	GEX	1,506,800	4	BVS	40,300	CTC	31,300
5	VCI	815,360	FUEVFVND	1,327,800	5	TIG	35,500	MVB	14,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EVF	12.40	12.40	→ 0.00%	43,042,200	SHS	19.60	20.20	↑ 3.06%	14,488,129
NVL	17.30	18.50	↑ 6.94%	40,156,600	CEO	25.10	26.50	↑ 5.58%	10,221,397
HPG	28.15	28.40	↑ 0.89%	26,862,700	HUT	24.80	25.80	↑ 4.03%	7,000,092
VIX	18.80	19.75	↑ 5.05%	26,477,606	NVB	14.10	14.30	↑ 1.42%	6,221,885
VND	24.75	25.25	↑ 2.02%	25,563,500	TNG	21.20	22.60	↑ 6.60%	5,973,015

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVT	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%	HJS	33.00	36.30	3.30	↑ 10.00%
KPF	5.59	5.98	0.39	↑ 6.98%	KDM	21.10	23.20	2.10	↑ 9.95%
ANV	36.70	39.25	2.55	↑ 6.95%	VMS	29.50	32.40	2.90	↑ 9.83%
HU1	8.50	9.09	0.59	↑ 6.94%	CMS	31.60	34.70	3.10	↑ 9.81%
SGT	14.40	15.40	1.00	↑ 6.94%	SFN	20.40	22.40	2.00	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	19.45	18.30	-1.15	↓ -5.91%	SDG	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
COM	34.00	32.00	-2.00	↓ -5.88%	GLT	23.30	21.00	-2.30	↓ -9.87%
TDP	32.40	30.50	-1.90	↓ -5.86%	SSM	7.20	6.50	-0.70	↓ -9.72%
LEC	7.60	7.32	-0.28	↓ -3.68%	SGD	20.00	18.10	-1.90	↓ -9.50%
HAS	8.30	8.00	-0.30	↓ -3.61%	L61	5.90	5.40	-0.50	↓ -8.47%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	43,042,200	8.3%	1,031	12.0	1.0
NVL	40,156,600	-1.3%	(295)	-	0.8
HPG	26,862,700	-2.0%	(328)	-	1.7
VIX	26,477,606	7.0%	839	22.4	1.5
VND	25,563,500	3.9%	467	53.0	2.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,488,129	4.3%	507	38.6	1.6
CEO	10,221,397	7.7%	948	26.5	2.0
HUT	7,000,092	1.3%	134	185.6	5.7
NVB	6,221,885	-0.1%	(12)	-	1.4
TNG	5,973,015	15.5%	2,372	8.9	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	↑ 7.0%	12.0%	2,993	8.9	1.0
KPF	↑ 7.0%	9.2%	1,175	4.8	0.4
ANV	↑ 6.9%	9.1%	2,074	17.7	1.6
HU1	↑ 6.9%	1.0%	153	55.4	0.6
SGT	↑ 6.9%	0.2%	22	648.5	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HJS	↑ 10.0%	14.0%	2,119	15.6	2.3
KDM	↑ 10.0%	-2.4%	(253)	-	1.9
VMS	↑ 9.8%	7.8%	1,279	23.1	1.9
CMS	↑ 9.8%	1.1%	129	244.9	2.9
SFN	↑ 9.8%	11.7%	2,924	7.0	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	1,900,700	17.8%	4,373	8.0	1.3
VIX	1,049,693	7.0%	839	22.4	1.5
VND	913,300	3.9%	467	53.0	2.0
VIC	898,489	3.9%	1,395	37.1	1.4
VCI	815,360	5.0%	783	60.7	2.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	250,800	20.7%	3,969	12.3	2.6
TNG	103,570	15.5%	2,372	8.9	1.4
VNR	42,900	0.0%	(9)	-	1.2
BVS	40,300	8.3%	2,576	11.6	0.9
TIG	35,500	7.6%	1,091	10.5	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	492,399	23.0%	5,797	15.2	3.2
BID	228,645	19.0%	4,025	11.2	2.0
VHM	214,888	29.1%	10,341	4.8	1.3
GAS	210,535	20.3%	6,680	16.5	3.1
VIC	197,180	3.9%	1,395	37.1	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	22,134	1.3%	134	185.6	5.7
PVS	18,593	7.2%	1,953	19.9	1.4
IDC	16,071	20.7%	3,969	12.3	2.6
SHS	15,938	4.3%	507	38.6	1.6
THD	13,821	2.9%	458	78.3	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.59	-0.4%	(63)	-	0.9
AGM	3.54	-50.2%	(10,382)	-	0.5
LGL	3.00	5.9%	769	6.0	0.3
EVG	2.94	1.3%	157	41.2	0.5
POM	2.72	-68.2%	(6,145)	-	0.8

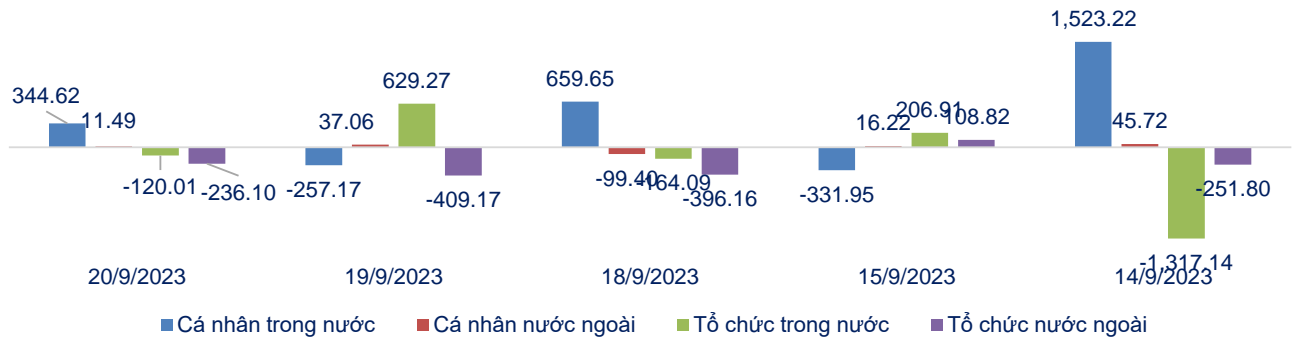
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDG	4.25	-24.7%	(3,031)	-	0.8
VC7	3.41	2.4%	261	105.3	2.5
VC2	3.24	3.9%	562	22.8	0.9
SDA	3.15	-0.3%	(21)	-	0.9
IDJ	3.13	5.8%	656	11.1	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	258.94	20.3%	2,765	6.4	1.3
HPG	184.48	-2.0%	(328)	-	1.7
MWG	117.55	6.6%	1,069	51.9	3.5
CTG	73.50	15.8%	3,664	8.8	1.3
VPB	71.35	11.1%	1,728	12.7	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-172.45	8.3%	1,031	12.0	1.0
KBC	-72.49	17.8%	4,373	8.0	1.3
VJC	-71.00	-14.1%	(4,026)	-	3.6
VCI	-58.52	5.0%	783	60.7	2.8
MSB	-32.16	17.5%	2,414	6.2	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	9.43	11.1%	1,728	12.7	1.4
VIC	8.82	3.9%	1,395	37.1	1.4
CTG	5.91	15.8%	3,664	8.8	1.3
TPB	3.88	18.6%	2,686	7.1	1.4
VHM	2.00	29.1%	10,341	4.8	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-5.52	22.1%	4,596	21.4	4.4
SSI	-4.91	7.3%	1,093	33.1	2.5
VND	-4.00	3.9%	467	53.0	2.0
KBC	-2.04	17.8%	4,373	8.0	1.3
ANV	-2.01	9.1%	2,074	17.7	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	172.19	8.3%	1,031	12.0	1.0
VJC	73.48	-14.1%	(4,026)	-	3.6
MSB	31.85	17.5%	2,414	6.2	1.0
BCM	29.32	2.4%	418	162.7	4.0
PDR	29.11	8.2%	1,118	23.1	2.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-265.55	20.3%	2,765	6.4	1.3
VPB	-51.32	11.1%	1,728	12.7	1.4
CTG	-40.16	15.8%	3,664	8.8	1.3
SSI	-30.53	7.3%	1,093	33.1	2.5
VIB	-27.41	27.7%	3,544	5.8	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	70.29	17.8%	4,373	8.0	1.3
VCI	40.53	5.0%	783	60.7	2.8
VIC	38.69	3.9%	1,395	37.1	1.4
VND	26.92	3.9%	467	53.0	2.0
VHM	26.29	29.1%	10,341	4.8	1.3

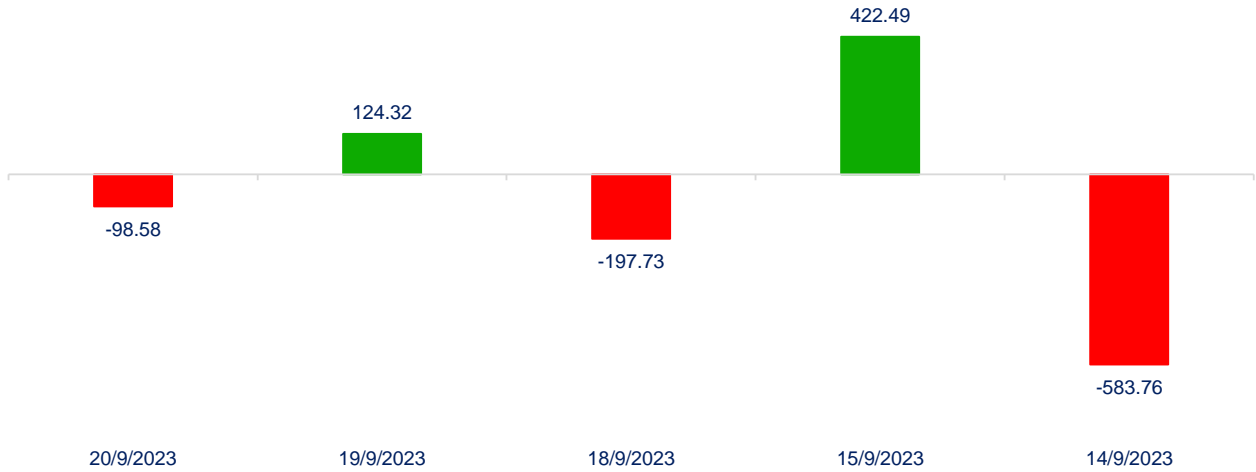
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-177.39	-2.0%	(328)	-	1.7
MWG	-99.48	6.6%	1,069	51.9	3.5
GVR	-46.36	5.3%	714	31.2	1.6
CTG	-39.26	15.8%	3,664	8.8	1.3
VNM	-37.70	23.9%	3,937	20.0	4.5

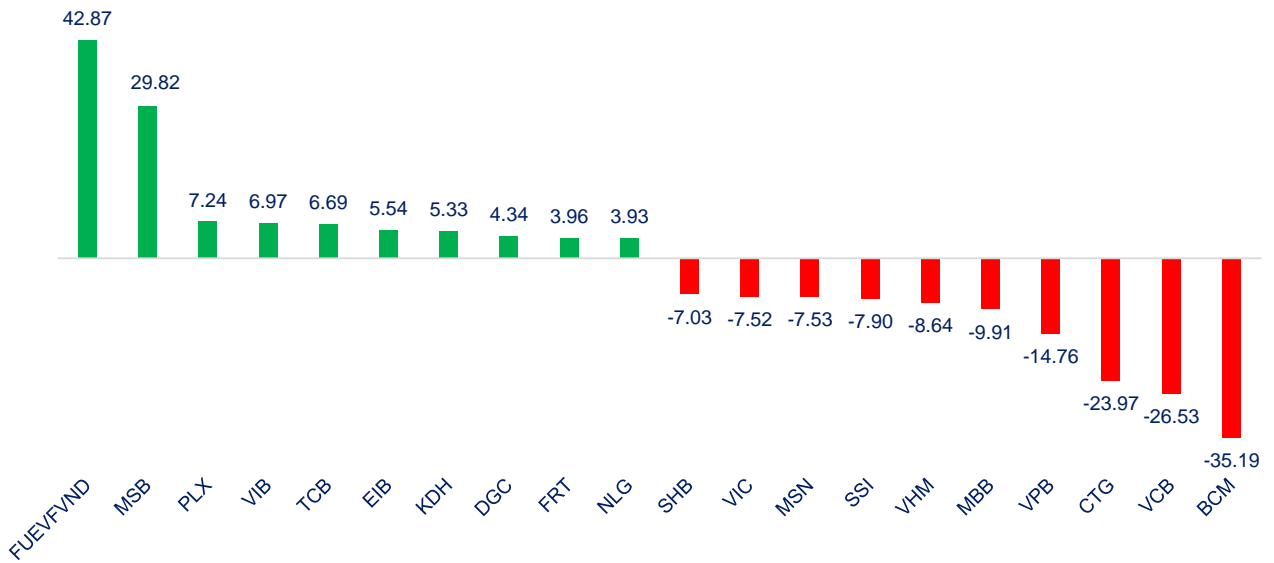


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn